

BÁCH VIỆT SỬ : NHỮNG LỚP BỤI MỜ CỦA LỊCH SỬ

(II)

Sở楚 là Việt 越 ...là Văn-Lang

- Phải.

Sử Ký Tư Mã Thiên ghi rõ Sở và Việt đồng tông đồng tộc, ngày xưa là ngôn ngữ giống nhau, sau này thì còn giống nhau 1/2, ngày nay tiếng Quan-thoại đã chiếm lĩnh vùng đất Sở, nhưng vẫn còn nhiều từ cổ Việt được dùng, và đối chiếu với tiếng Việt bên Ngô-Việt và Mân Việt là giống nhau, và dĩ nhiên có từ cũng giống như tiếng Việt -Nam.

Văn Hóa Sở có thời xưng mình là Shan 商-Thương, Ân Thương 殷商 Âu-Nhân 甌人 (Âu-Nhân chỉ là phiên âm , Âu-Nhân 甌人= Ân, tức là Ân Thương) rồi xưng là Sở楚. Sở là 1 quốc gia rộng lớn, văn hóa và ngôn ngữ đa dạng, ngôn ngữ và văn minh Sở tiến bộ rất sớm, đã tồn tại và ảnh hưởng bao trùm nhiều nơi, "Sử Ký" chép rằng Vua Sở Chúc Hùng 楚鬻熊 là Thầy dạy học cho Châu Văn Vương của Nhà CHU.

_Sở còn có nhiều tên gọi của Đất Sở, nước Sở, Người Sở, do Cách phiên âm khác nhau của từ "Sở" thành ra nhiều chữ sở. Phiên âm là 1 hình thức dùng chữ đã có rồi để diễn đạt chữ chưa có của tiếng nói, ví dụ cụ thể là cho đến ngày nay thì rất nhiều tiếng Việt vùng Quảng-Đông và 20% tiếng Mân Việt / Triều châu còn chưa có chữ viết !

Sở còn Gọi là Kinh, Kinh Sơ, Cửu Khuẩn, Kinh Man, và 1 số tên khác cũng trong phạm vi SỞ.

_Còn Gọi là Si-Vưu, là Triều -Ca, Thương Ngô, Cứ Âu .

_Còn gọi là Phù Dung Quốc, Dương Việt .

_Còn Gọi là Cộng Nhân, Quỷ Phương, Cổ Muội .

_Gọi là Việt-Khu.

_ Phạm Vi của Sở gồm phần đất ngày nay thuộc: Các tỉnh 湖南 Hồ Nam、湖北 Hồ Bắc、重庆 Trùng Khánh、河南 Hà Nam、安徽 An Huy、江苏 Giang Tô、江西 Giang Tây v v...và các bộ tộc "Cửu-Lê 九黎".

***Giải Mã Bí Mật Cổ Sử Sở Bằng Tiếng Việt ***

_Sở 楚: Chữ xưa là tượng hình, chữ Sở gồm 2 cây (Chữ Lâm 林 phía trên gồm 2 chữ mộc 木) và phía dưới là dây leo quấn hai chân cây 疋 = Sơ(chữ Sơ 疋 bộ tẩu) phát âm theo Tiếng Madarin là CHsù, tiếng Mân Việt là chsó, tiếng Việt-Quảng-Châu, Phiên Ngung là chsỏ, Đúng ra thì phải đọc phát âm là "Sở " theo chiếc tự của Sơ -Lâm, nhưng lại có 1 cách đọc phát âm là: "Trầu ", và dấu tích của âm đọc là Trầu còn lưu lại quá nhiều ...Chữ Si- vưu chính là phiên âm của chữ Trầu: Si-Vưu=蚩尤, Bởi vì Si-Vưu vô nghĩa, Si-Vưu chỉ là phiên âm, và đánh vần phiên âm là ra chữ Trầu mới là "có nghĩa" và "Đúng nghĩa " với chữ tượng hình đã thể hiện, nếu như phiên âm đánh vần là "Sưu " hoặc "Sừu" thì lại vô nghĩa, nhưng, dân vùng Phiên Ngung ở Quảng Châu ngày nay vẫn đọc 蚩尤 là Chsia-Dầu, Chsia -ầu-Chsầu, tức là thật ra là " Trầu " (Đọc theo tiếng Việt Chuẩn là giọng nói của Miền Bắc thì TR phát âm như là CH, "Trầu" là "Chầu") và đã có 1 âm Sơ-Lâm là Sở thì mới đúng Chữ 楚 đã vẽ hình dây Trầu quấn trên cây, bởi vì xét về thực vật: dây trầu quấn cây Cau là Đúng nhất cho chữ Sở, và khi cổ sử nói về Si-Vưu / Chsia-Dầu là luôn nói về Si-Vưu ở vùng đất Sở.CHƯA CÓ AI PHÂN TÍCH THEO KIỂU NÀY ! Vì: theo tài liệu Sử thì Sở là Việt, cho nên tôi thử dùng các "phương ngôn:"Việt" để giải mã những điều khó hiểu, và đây là 1 lối suy luận hữu lý, chứ không có tài liệu sử sách để dẫn chứng, đúng hay sai ? thời gian và sự tiến bộ trong

việc tập trung tài liệu của nhiều người nghiên cứu sẽ kiểm chứng lập luận của tôi và có câu trả lời ...

_Vậy Si-vưu theo cổ Việt -nhã ngữ là Chsén-Dầu, đó là phiên âm Chs-ầu.
=>chsầu=Trầu; Si-Vưu=蚩尤=Trầu. tương tự Chsầu, chsỏ , chsó ,chsùa , tsù
..viết là : 楚

...Sở là Việt, mà lại dính líu với chữ "Trầu" ? đúng vậy! Người Việt Nam và người Đài Loan ngày nay vẫn còn rất nhiều người ăn Trầu, và là 1 đặc điểm hiếm hoi của nhân loại.

(Ngoài ra: Người Mèo 苗 tôn Si-Vưu là thần "Thái tổ", và gọi là " txiv -yavg " ...đọc nhanh cũng đúng là 1 dạng của âm chữ TRẦU ...Đây là 1 đặc tính Bách Việt mà ngày nay người ta còn chưa hiểu hết; Nghiã là ngày xưa Sở hay Việt-Trầu đã thống lãnh hàng trăm bộ tộc "Bách -Việt).

_Theo Khảo cứu của tôi thì Si-Vưu Ở nước Sở và chính là Sở, vì bản thân chữ Si-Vưu đã là "Trầu" là "Sở" như phân tích...nhưng có quá nhiều thuyết, ...nhiều đến mức kinh-hoàng cho những người khảo cứu đầy đủ, có thuyết tôn Si-Vưu và Viêm Đế là 1, có thuyết: Si-Vưu và Viêm Đế là 2 đế khác nhau, có thuyết Si-Vưu là Quan dưới quyền Viêm Đế v v...

_Xin Trích 1 đoạn chữ Cổ -Việt / Hoa nói về Si-Vưu có liên quan đến Cữu Lê:蚩尤為首的九黎族=Si vưu vi thủ đích Cữu Lê tộc..., có quá nhiều truyền thuyết nói về Si-Vưu, có thuyết nói Si-Vưu ở tây, có thuyết nói ở đông, có thuyết nói ở nam với người Mèo / Hmong, có thuyết nói ở Bắc như người Korea có quyển sách 《Hàng Đàn Cổ ký桓檀古記》 - (환단고기) nói rằng Si-Vưu là Vua ở Bán Đảo Triều Tiên; nhưng, chú ý: Si-Vưu được tôn làm "Chiến Thần " nên nhiều người tranh dành ...cũng phải !!! và quý vị thích nghiên cứu sử cần chú ý điều này: phiên -âm chữ "Cữu- lê" sẽ ra chữ "kỳ ", phiên âm chữ "Giao-Chỉ " hay "cao-Chỳ " sẽ ra chữ "kỳ", và đặc biệt là Cữu-Lê lại rất giống ...gần như 100 phần trăm với "Cao-Lệ -高麗-Korea", và cũng có tài liệu Korea liên quan đến Bách Việt, ngày nay các bạn trẻ người Việt khi học tiếng Hàn Quốc - Korea sẽ không lạ gì các từ "Han kok" là Hàn

Quốc, "huynhdai" là Hiện Đại , "yu Hạc senh" là Du học sinh, tên gọi "Kim Yang" là Kim - Anh, "Dong kun" là Đông Quân v v...

_Vì theo những khảo cứu vừa được nêu trên thì chữ viết trong sử "Si-Vưu": chẳng qua chỉ là phiên âm chữ "Trầu ", mà người ta đã lầm, không dùng tiếng Việt, phủ nhận gốc Việt, không biết hay không đọc là Trầu mà lại đi đọc là Si-Vưu cho nên vô nghĩa, và từ cái vô nghĩa, cái không hiểu nghĩa đã sinh ra ngộ nhận và cho là "HánTự- chữ Tàu", rồi thêm dặt truyền thuyết ! truyền thuyết đã thêm dặt "Ông" Si-Vưu là lãnh tụ rất thiện chiến, khi ra trận biết phun lửa, chặt đầu này lại có đầu khác..., rõ ràng đó là sự diễn tả Si-Vưu là 1 tập thể thiện chiến, giỏi trận pháp, dương đông kích tây, du kích chiến, mai phục v v.., và biết dùng hỏa công chứ không phải là 1 người ! chẳng qua vì sự ngộ nhận của các đời sau phủ nhận gốc Việt hay không hiểu tiếng Việt mà người ta dựng ra 1 nhân vật như thần tiên vậy! Ở Trung -Quốc Từ xưa và cho đến nay vì ...người ta đã tôn thờ "ông" Si-Vưu là "chiến -Thần ", nên trước khi ra trận đánh giặc là làm lễ cúng bái "Chiến thần " là ông Si-Vưu !!! thật ra ..."Chiến Thần" đó phải là nước Trầu và lại là lãnh đạo, là "Vua" của các bộ tộc Cửu -Lê 九黎-Cửu lê lại vô nghĩa !!! theo truyền thuyết thì liên quang đến Cửu lê có đến hàng 100 bộ tộc, thuyết nói 9 bộ tộc là căn cứ theo chữ "CỬU 九", thuyết chánh yếu mà nhiều người tin và trích dẫn nói là có đến 81 bộ tộc-81 lại là cách dùng 9 x 9 .., 81 hay hàng 100 bộ tộc thì không thể là " CỬU 九" ! "Cửu -Lê 九黎" chỉ là phiên âm để chỉ hàng trăm bộ tộc ở phía nam có tên gọi là "Kỳ ", Sở trong Hoa sử có đất KINH, mà lại có "Trầu" lãnh đạo 九黎 Cửu-Lê là Kỳ! Sử Việt thì gọi đất Việt là Đất Kinh và Đất Kỳ! nghiên cứu mới cho thấy rõ đường thiên di của nhân loại là từ Đông nam Á tiến lên phía bắc v v.., nếu đánh vần theo giọng Việt Quảng Đông, thì Cửu-lê là "Cao-chìa" sẽ ra chữ "kỳ"...còn đọc theo "Cửu-lê" sẽ ra âm "kê" hay "kề", đọc CỬU-LI sẽ ra âm "KY" hay "KỲ", tiếng Phổ thông cũng đọc "li" chứ không đọc "lê", về sau thì xuất hiện chữ "giao Chỉ " mà nếu đánh vần phiên âm cũng là "kỳ", dân thành phố PHiên Ngung ngày nay ở tỉnh Quảng Đông vẫn đọc Giao Chỉ là "Cao-Chĩa/ cao chĩa ", đối chiếu lại thì

thấy rõ ràng "cửu Lê" và "giao Chỉ" chỉ là 1 tên có phát âm là "kỳ", và GIAO-CHỈ hay CỬU-LÊ là vô nghĩa, cho đến thế kỷ 21 mà khi tra cứu tự điển Bách Khoa và cổ thư v.v...thì thấy giải thích sơ dĩ gọi là "Giao Chỉ" vì dân vùng đó có 2 ngón cái của 2 bàn chân chìa ra, khi đứng thì giao nhau, nên gọi là Giao Chỉ !!! và lại có cách giải thích khác là dân vùng đó ...khi ngủ thì 2 chân để chéo chữ thập, 2 chân giao nhau nên gọi là giao chỉ !!! Cách giải thích như viết truyện thần thoại hay ...làm phim "khoa học tưởng tượng" như vậy mà đã tồn tại trong lịch sử mấy ngàn năm...thì rõ ràng là những người có tâm huyết ở thế kỷ 21 này nên phải bỏ công ra để viết lại lịch sử là 1 điều bắt buộc phải nên làm !!! âm Quảng Đông của "CỬU-LÊ" lại có 1 phát âm là "Cẩu-lỳ", Có lẽ chính vì âm "Cẩu" không tốt khi ĐỌC và NGHE, cho nên mới được người ta tránh mà sau này không còn dùng "Cửu-Lê" nữa, chỉ còn có âm Cao-Chỳ, Giao-Chỉ xuất hiện mà thôi, những tên xưa thường hay được dính líu và kéo dài để dùng đến tận ngày nay, Vùng Lạng-sơn có sông Kỳ-Cùng và Phố Kỳ-Lừa là 1 thí dụ thú vị; chữ viết ngày xưa khác nhau từng vùng vì giao thông đâu có thuận tiện và tính thống nhất đâu có mạnh như bây giờ, cho nên sau này Tần Thủy Hoàng mới ra lệnh thống nhất chữ viết ;_ Hàng 100 bộ tộc Cửu-lê/ kỳ có lãnh đạo là si-Vưu /Trầu nhập lại... tính ra hẳn là bờ cõi phải mênh mông lắm và cổ thư còn ghi lại gọi là "Liệt -San thị": thật ra "Liệt-San" đó chính là phiên âm chữ "Lang-sang" tức là Lang ! "Lang" là khi ngôn ngữ đó đã được đơn âm hóa, và "Lang-sang" hay "Van" "Lang-Sang" hay người Hoa Viết Sử gọi vắng tắt là Shan 商 "có nghĩa là "Van Tượng" chính là nước "VĂN-LANG"...; quý vị nào hiểu nghĩa tiếng Thái, Lào, Choang ngày nay sẽ hiểu nghĩa này, "Van" là "Vạn" của 1 vạn, "Lang" là "lang-sang" là "Liệt -San" hay Shan 商, hay "VănLang", Văn-Lang của người Việt cũng chỉ là 1 quốc gia duy nhất mà người ta đã viết và đọc theo nhiều cách, quý vị chú ý chữ Shan 商 dịch theo từ Hán-Việt là "Thương" hoàn toàn trùng hợp với tiếng Việt là "Tượng" tức là "Voi", "Tượng" ngày xưa đọc là "Tương" là lẽ thường tình! Bởi vì cổ Việt ngữ đâu có A B C và dấu Nặng! vùng "Sở", "Trầu" "Vănlang" phải là rất rộng như

truyền thuyết nước Văn-Lang bắc giáp Động -Đình Hồ, Đông Giáp biển và Nam giáp nước Hồ-Tôn, Hồ-Tôn là giọng Mân Việt Ô-sinh >Ying, giọng Quảng-Đông là Wua hay Huà-sin >wiing, âm Wìng, hay Ying / yin đều là chữ Vin / Vân của Văn-Nam là tỉnh Vân Nam bây giờ; còn âm của chữ viết là Liệt-San, yue-Lang, Văn Lang đều phát âm giống nhau, nghĩa là nước "VanLangshan" của người Việt, "Văn-Lang" quá rộng thì các bộ tộc quá nhiều và có "đánh nhau" cũng là chuyện thường, đều đó càng làm cho Bách Việt Sủ rối mù bởi "Tinh thần địa phương", truyền thuyết Phù-Đổng thiên vương chống giặc "Ân Thương" nếu xét cho kỹ lưỡng biết đâu là chuyện nội bộ ??? truyện Trụ -Vương mê Đắc-kỹ, sa đọa và phung phí ở Cung Đình nên phải thu thuế tô địa nhiều, bắt lao công v...nên nhiều dân địa phương phải chống lại và tự lập lãnh địa "quốc" riêng là đúng thôi ! ...Ai chứng Minh được Trụ Vương là Du Mục hay là Hung-Nô ??? Chữ viết lưu lại là Trụ Vương tên Đế Tân, chữ Trụ chẳng qua là Chữ "Tru" là "Con heo" của tiếng Việt, "Đắc-Kỹ", "Na-tra", "Khương Tử-Nha" "Cơ Phát" "Cơ Xương" đều là tiếng Việt, 1 số những tên tiếng Việt Đa âm còn sót lại trong câu truyện tự nó sẽ làm rõ nguồn gốc Việt! những ai hiểu Hoa văn 100 phần trăm ngày nay có thể nào giải thích cho tôi nghe "Trụ" vương và "Đắc-Kỹ" nghĩa là gì ??? nỗi oán hận của người dân thời đó theo tiếng Việt đã chữ "Đế Tân" là "Heo" vì dâm dục mê gái cho nên gọi là vua Heo -"Tru", "Đắc-Kỹ" là dấu tích tiếng Việt Đa âm, đa âm "Đắc-Kỹ" là "Đi", khi biến thành đơn âm, chỉ có tiếng Việt và người Việt mới hiểu nổi chứ còn ai vào đây được? theo tôi thì khi "Trụ" Vương tỏ tình với "Đắc-Kỹ" thì nói là "Anh yêu em" chứ không phải là giọng "Wô ái nìa" của Hung-Nô! Ngày nay chúng ta vẫn còn dùng từ đa âm nhiều quá nhiều, ví dụ như: lang-thang, lô-thôi, thẩn-thờ, lác-đác, ngoe-ngoấy, kéo-kẹt, lệch-lạc, lung-tung, liếng-thoán, bạc-bỏ, tiu-ngiủ, mệnh-mông, lung-linh, dụn-dàng, v v...nhiều kinh khủng lắm -Xin quý vị đọc bài khảo cứu trước của tôi -là tiếng Việt sinh ra Hoa ngữ và Hoa Ngữ chỉ là những tộc khác học được 1 phần của tiếng Việt mà thôi! và cũng chính vì vậy mà Hoa ngữ không thể phiên dịch được hết Việt ngữ, còn Việt ngữ có thể

phiên dịch được hết Hoa ngữ 1 cách dễ dàng, có những sách và những người lập luận rằng Từ ngữ Hán-Việt được du Nhập từ Trung Hoa sang Việt Nam vào thời nhà Đường! Xin Chân thành cảm ơn những sách và những người đó! ...Lập luận đó tự thân nó đã khẳng định là từ xưa cho đến đời nhà Đường là bên Trung Hoa vẫn còn dùng tiếng Việt; Có 1 bài "Việt nhân Ca" cổ đại đã hơn hai ngàn mấy trăm năm và nổi tiếng toàn thế giới, tiếng Hoa, tiếng Anh và tiếng Pháp v v...đều đã "phiên dịch" bài này 1 cách ...sai bét !!! tiếng Việt phiên dịch lại từ bản "hoa_Văn" nên cũng sai luôn !!! Vì người ta không hiểu tiếng Việt ...và người "Hoa" đã dùng bài này để chứng minh cổ sử của Trung quốc là "Hoa" chứ không phải Việt! Với lập luận vì là "hoa" nên không hiểu được tiếng Việt của "Việt nhân Ca", và chuyện bài hát "Việt nhân ca" này xảy ra ở nước Sở, xin quý đọc giả đón đọc những bài khảo cứu sau thì tôi sẽ trình bày rõ ràng chung quanh bài "Việt Nhân Ca" ở nước Sở ngày xưa chính là 1 bằng chứng Sở là Việt ! Điều này là rất quan trọng: Có thể nói rằng đây là Tâm điểm của sự nhập nhần Việt và Hoa, Bởi vì ông Lưu Bang và Ông Hạng Vũ đều là Người Sở, và Lưu Bang đã lập nên nhà Hán, Có thể nói rằng Chứng minh được Sở là Hoa thì nghĩa là Hoa đồng hóa Việt !!! và chứng minh được rằng Sở là Việt thì nghĩa là Việt đồng hóa Hung-Nô thành Việt mà đổi tên là Hoa. Bài này đã chứng minh rõ ràng Sở là Việt để làm mất đi lớp bụi mờ của lịch sử; Tuy nhiên, để cho rõ ràng và chi tiết thêm thì tôi sẽ viết thêm bài "Tự điển Thuyết Văn của Hứa Thận thời nhà Hán" và "Việt nhân Ca".

Xin trở lại chủ đề:

_đánh vần cổ ngữ "Liệt-San" > tức là Li(ệt)- (S)an =>Lan = Lang .

_Viêm Đế / Si-Vưu / Trâu / Kỳ / Văn Lang là thị tộc Việt " Hùng ", chữ viết trong sử là " Hửu hùng Thị ": đọc là "Dồ Hùng" , đó là một âm của Diệt Hùng , tức là Việt Hùng (xin xem bài khảo cứu Bách Việt Sử khác sắp đưa ra online) và Con Cháu các đời vua sau luôn xưng là Hùng Vương như Hùng Tao 熊蚤, Hùng LÊ 熊

麗, HÙNG CUỒNG 熊狂, HÙNG DỊCH 熊繹, HÙNG NGÀI 熊艾, HÙNG ĐẢN 熊黓, HÙNG THẮNG 熊勝, Hùng Dương 熊楊, Hùng cử 熊渠, Hùng Chí 熊摯, Hùng Diên 熊延, Hùng Dũng 熊勇, Hùng Nghiêm 熊嚴, Hùng Tương 熊霜, Hùng Tuân 熊徇, Hùng Ngạc 熊𪔐, Hùng Nghi 熊儀, Hùng Khảm 熊坎, Hùng Thông 熊通, Hùng Chất 熊賁, Hùng Giang 熊艱, Hùng Uẩn 熊暉, Hùng Thương - Thần 熊商臣, Hùng Lữ 熊侶, Hùng Thẩm 熊審, Hùng Chiêu 熊招, Hùng Viên 熊員 Hùng Vi, v v...

Theo Truyền Thuyết: Hoàng Đế 黃帝 Có 1 người con là Xương Ý 昌意...-Xương Ý 昌意 là 1 trong 25 người con của Hoàng đế 黃帝, Xương-Ý cưới vợ là người của Thục sơn thị 蜀山氏 tên là Xương Bộc 昌僕 có được 1 người con là Đoan -Hạn 顓頊. Hậu duệ của Đoan Hạn sinh ra Cổn 鯀, Cổn Sinh Ra Vũ 禹 (...Con Của Vũ Là Khải lập ra triều Hạ).

-Đế Đoan-Hạn 顓頊 là Con Của Xương-Ý.

-Ngô Hồi 吳回 là Cháu đời thứ 5 của đế Đoan Hạn 顓頊.

_Lục-Tung 陸終, hay Lộc-Tục do cách đọc khác nhau, là con của Ngô Hồi 吳回.

_Quý Liên 季連, về Sau gọi là Chúc Hùng là con của của "Lộc Tung" hay Lộc Tục: có 6 người con, con út là Quý-Liên.

_Chúc Hùng là Cha của Hùng Tao, Hùng Tao là Cha của Hùng lệ, Hùng lệ là cha của Hùng Cuồng.

-Sở Hùng Dịch 楚熊繹 là con của Hùng Cuồng, là cháu chít của Quý Liên/Chúc Hùng và là Thầy của Châu Văn Vương Của nhà Chu ...và Sau đây là phần tên Vua được đưa vào Sách Sử...viết bằng cổ văn .

***Bảng tên hiệu Sở: Hùng Vương / Tên Họ / năm lên ngôi / năm thoái vị ...bằng Cổ Việt Văn: gồm Tên Các vua ...

君主	國君名称	上任時間	退位時間	在位年数
<u>楚熊蚤</u>	熊蚤 (𠂇 蚤) 𠂇=Mi			
<u>楚熊麗</u>	熊麗 (𠂇 麗)			
<u>楚熊狂</u>	熊狂 (𠂇 狂)			
<u>楚熊繹</u>	熊繹 (𠂇 繹)			
<u>楚熊艾</u>	熊艾 (𠂇 艾)			
<u>楚熊黜</u>	熊黜 (𠂇 黜)			
<u>楚熊勝</u>	熊勝 (𠂇 勝)			
<u>楚熊楊</u>	熊楊 (𠂇 楊)		<u>前(Tiền: trước công nguyên)</u>	
<u>楚熊渠</u>	熊渠 (𠂇 渠)		<u>年:Năm</u>	
<u>楚熊摯</u>	熊摯 (𠂇 摯)			
<u>楚熊延</u>	熊延 (𠂇 延)		<u>前 848 年</u>	
<u>楚熊勇</u>	熊勇 (𠂇 勇)	<u>前 847 年</u>	<u>前 838 年</u>	10 年
<u>楚熊嚴</u>	熊嚴 (𠂇 嚴)	<u>前 837 年</u>	<u>前 828 年</u>	10 年
<u>楚熊霜</u>	熊霜 (𠂇 霜)	<u>前 827 年</u>	<u>前 822 年</u>	6 年

	霜)				
<u>楚熊徇</u>	熊徇(半徇)	<u>前 821 年</u>	<u>前 800 年</u>	22 年	
<u>楚熊罈</u>	熊罈(半罈)	<u>前 799 年</u>	<u>前 791 年</u>	9 年	
<u>楚若敖</u>	熊儀(半儀)	<u>前 790 年</u>	<u>前 764 年</u>	27 年	
<u>楚霄敖</u>	熊坎(半坎)	<u>前 763 年</u>	<u>前 758 年</u>	6 年	
<u>楚蚡冒</u>	熊胸(半胸)	<u>前 757 年</u>	<u>前 741 年</u>	17 年	
<u>楚武王</u>	熊通(半通)	<u>前 740 年</u>	<u>前 690 年三月</u>	51 年	
<u>楚文王</u>	熊貲(半貲)	<u>前 689 年</u>	<u>前 675 年六月庚申</u>	15 年	
<u>楚堵敖</u>	熊艱(半艱)	<u>前 674 年</u>	<u>前 672 年</u>	3 年	
<u>楚成王</u>	熊暉(半暉)	<u>前 671 年</u>	<u>前 626 年冬季十月</u>	46 年	
<u>楚穆王</u>	熊商臣(半商臣)	<u>前 625 年</u>	<u>前 614 年</u>	12 年	
<u>楚莊王</u>	熊侶(半侶)	<u>前 613 年</u>	<u>前 591 年秋季</u>	23 年	
<u>楚共王</u>	熊審(半審)	<u>前 590 年</u>	<u>前 560 年</u>	31 年	
<u>楚康王</u>	熊招(半招)	<u>前 559 年</u>	<u>前 545 年九月以後</u>	15 年	
<u>楚郟敖</u>	熊員(半員)	<u>前 544 年</u>	<u>前 541 年冬季</u>	4 年	
<u>楚靈王</u>	熊圍(半圍)	<u>前 540 年</u>	<u>前 529 年五月</u>	12 年	
<u>楚王比</u>	熊比(半比)	<u>前 529 年春季</u>	<u>前 529 年五月</u>	未改元	

<u>楚平王</u>	熊居 (𠄎居)	<u>前 528 年</u>	<u>前 516 年九</u> <u>月</u>	13 年
<u>楚昭王</u>	熊珍 (𠄎珍)	<u>前 515 年</u>	<u>前 489 年秋</u> <u>季七月以後</u>	27 年
<u>楚惠王</u>	熊章 (𠄎章)	<u>前 488 年</u>	<u>前 432 年</u>	57 年
<u>楚簡王</u>	熊中 (𠄎中)	<u>前 431 年</u>	<u>前 408 年</u>	24 年
<u>楚声王</u>	熊当 (𠄎当)	<u>前 407 年</u>	<u>前 402 年</u>	6 年
<u>楚悼王</u>	熊疑 (𠄎疑)	<u>前 401 年</u>	<u>前 381 年</u>	21 年
<u>楚肅王</u>	熊臧 (𠄎臧)	<u>前 380 年</u>	<u>前 370 年</u>	11 年
<u>楚宣王</u>	熊良夫 (𠄎良夫)	<u>前 369 年</u>	<u>前 340 年</u>	30 年
<u>楚威王</u>	熊商 (𠄎商)	<u>前 339 年</u>	<u>前 329 年</u>	11 年
<u>楚懷王</u>	熊槐 (𠄎槐)	<u>前 328 年</u>	<u>前 299 年</u>	30 年
<u>楚頃襄王</u>	熊橫 (𠄎橫)	<u>前 298 年</u>	<u>前 263 年秋</u> <u>季</u>	36 年
<u>楚考烈王</u>	熊元 (𠄎元)	<u>前 262 年</u>	<u>前 238 年</u>	25 年
<u>楚幽王</u>	熊悍 (𠄎悍)	<u>前 237 年</u>	<u>前 228 年正</u> <u>月</u>	10 年
<u>楚哀王</u>	熊猶 (𠄎猶)	<u>前 228 年正</u> <u>月</u>	<u>前 228 年三</u> <u>月</u>	未改元
<u>楚王負芻</u>	熊負芻 (𠄎負芻)	<u>前 227 年</u>	<u>前 223 年</u>	5 年
<u>昌平君</u>		<u>前 223 年</u>	<u>前 223 年</u>	
<u>楚隱王 (張</u> <u>楚隱王)</u>	<u>陳勝</u>	<u>前 210 年</u>	<u>前 209 年</u>	

楚假王	景駒	前 209 年	前 209 年
楚義帝	熊心 (卞心)	前 209 年	前 207 年
楚霸王 (西楚霸王)	項羽 Hạng Võ	前 206 年	前 202 年

Sở Bá Vương 楚霸王_Hạng Võ 項羽 là con cháu đích tôn của Hùng Triều họ Mi 米 (Mi hay Mị , Mì , Mễ) vì tổ tiên được phong đất cho ở Đất Hạng, cho nên lập Tổ dòng họ Hạng; (cũng như Khuất Nguyên vậy, thời phong kiến thì dòng họ vua thường hay được phong cho Đất để lập ấp, lập quốc nhỏ làm chúa nơi địa phương nhỏ và thường hay đổi họ theo đất mình được làm chúa nơi đó) ...Sở Bá vương Hạng Võ và Lưu Bang lãnh đạo dân Quân Sở-Việt lật đổ nhà Tần...

***Khảo cứu Một số phong tục vùng Sở -(Trầu / Kỳ / Liệt San-yue Lang -Văn Lang- Việt Lang mà ngày xưa gọi là "Sở ")và ngay nay quý vị có thể tìm hiểu và tham khảo dễ dàng trên các web của các blogger hay trên trang web của tỉnh Hồ Nam hay Hồ Bắc của Tân Hoa Xã:

_Khách đến nhà khi đã mời ngồi rồi thì kỵ lau bàn hay quét nhà, vì như vậy là có ý đuổi khách.

_Khi mời khách ăn trứng gà thì không được đãi ăn số trứng lẻ 1 hay 3, nhưng kỵ nhất là đãi khách ăn 2 trứng, Vì "ăn hai" giống như tiếng chửi ..."ăn Hại" của tiếng Sở.

_Trước khi ăn, không được dùng đũa gõ chén, vì chỉ có ăn mày mới gõ chén ăn xin.

_Sau khi ăn, không được gác đũa lên chén, vì gác đũa lên chén là cúng cơm cho vong linh.

_Đầu của phái nam, và vùng eo của phái nữ là chỉ được nhìn, không được sờ ..., nếu bị tùy ý đụng chạm thì coi như là một điều bị sỉ nhục.

_Phải phơi quần áo phụ nữ nơi kính đáo, không được cầm sào phơi quần áo phụ nữ bằng qua đường; đồ lót của phụ nữ khi phơi phải tìm ở chỗ người ta không nhìn thấy; khi phụ nữ có thai thì không được tham gia tiệc đám cưới; phụ nữ đang có kinh kỳ thì không được vào chùa, miếu; phụ nữ không được tham gia việc xây bếp hay dựng kèo cột trong xây cất.

_Kỵ những từ ngữ hung hiểm, ví dụ: không nói "Chết" mà nói "Đi rồi", hay "không còn nữa", Quan tài thì nói "thọ tài", "thọ mộc"; ngày tết không được nói "thấy bà", "thấy quỷ", "đồ...quỷ sứ"...nói chung là kỵ từ ngữ hung hiểm hay xui xẻo.

_ Cha mẹ qua đời thì con trai không cắt tóc trong thời gian 7 Tháng (Tuần) để tỏ lòng hiếu thảo khi để tang.

_ Kêu chuột bằng "ông", chuột rất khôn lanh, nên sợ chuột cần phá quần áo v.v...nên tỏ ra tôn kính mà gọi là "ông" Tí.

_Con một của gia đình thì thường gọi là "Chó con", "Bé", "Nữ", "Nố", "Náo"...Vì sợ ma quỷ xâm hại, sợ khó nuôi.

Ngày Nay thì Văn Hoá Sở đã biến thành đã biến thành văn hóa của tiếng Phổ thông / Quang Thoại, nhưng những nghiên cứu về từ ngữ cổ của lịch Sử còn sót lại mà người ta còn dùng và được biết ở các vùng thuộc Sở lại làm cho tôi giật mình:

-Dù đã bị tiếng phổ thông-quan-thoại thay đổi, nhưng Nhiều vùng "sở" ngày nay vẫn gọi con của mình là phái nam bằng "traí" như tiếng Việt, đó là vùng: Nam Xương 南昌/ đọc là "tsai" như "Chai" Hay "Trai"、đó là các vùng Đô Xương 都昌、An Nghiã 安義、Tu Thủy 修水、Bình Giang 平江、Dương Tân 陽新、Tuyên Phong 宜豐、Tân DU 新喻、v.v...vẫn gọi con trai là "TSai".

và...

-2 chân giang rộng ra gọi là: "Mở" và Viết là chữ 摸 /Mạc - nhưng đọc là "mở".

-Con ngỗng gọi là Ngang, ngo.

-Lớn, gọi là "Đại ", viết là 大 / đọc là Đại.

-Cái Rổ làm bằng bằng tre: gọi là Rổ, viết là 蘿 / đọc là Rổ; có nơi nay đọc lô hay lo, loa, lóa...

_"Hiếu", vùng Kiến-Ninh 建寧 ngày nay vẫn đọc "Hiếu" 曉 như tiếng Việt .

-"Phan", vật đồ vật gọi là Phan, viết là 拌 / đọc là "Phan".

-Bất kể, bất cần mạng sống gọi là "Bán mạng", những vùng còn nói là "bán mạng" là: (phát âm có khác nhau 1 chút giữa các vùng): Nam xương 南昌 / p^hɔn mian, An Nghiã 安義 / p^hɔn mian, Cao An 高安 / p^hɛn mian, Tân Du 新喻 / p^hɔn mian, Bình Hương 萍鄉 / p^hɔ miã, Lễ Lăng 醴陵 / p^hɔ ɲ mian, Kiến Nnh 建寧 / p^hɔn mian, Thiệu Vũ 邵武 / p^hɔn mian.

_cái lá cây Trúc gọi là Lá, viết là 箬 / đọc là "lá".

_thấy, viết là 睇 đọc là "Thấy".

_vùng nước Sâu gọi là "thâm" hay "Than", nghiã là "Đầm" so với tiếng Việt .

Tất cả những phần khảo cứu tiếng nói và phong tục Sở nêu trên là vào trang nhà trên Internet của tỉnh Hồ Bắc thuộc Tân Hoa Xã là sẽ đọc thấy (trong hiện tại).

...Từ những chứng cứ nêu trên, có thể thấy ngày xưa vùng Sở vừa Đứng là "Trầu", vừa đứng là Nước Việt / Văn Lang rộng lớn với hàng trăm bộ tộc "kỳ -Cửu lê" nói tiếng Việt, Nếu vậy thì nên đọc địa danh và tên người của cổ Sở theo tiếng Việt ...

_ khảo cứu 1 số tên Sở theo hướng "việt-Ngữ" thì thấy là, Ví Dụ :

1/ CAN TƯƠNG: phiên âm Can-Tương > "Cương" hay "Cường" / vì chẳng có ai tên là Can -Tương, nếu Can-Tương đúng là tên 1

người thì trước đây đã có người dùng, sau này phải có người dùng, và bây giờ cũng phải có người dùng; suy ra, Can-Tương là "Cường".

2/ MẠC TÀ: ...chưa thấy có ai trong sử sách có tên là "Mà""Tà" hay "Mạ" "tà", phiên âm này chỉ theo Mân Việt ngữ mới có nghĩa, đọc là "Bạc-ghé" > "Bé", còn 1 cách đọc khác là "mo -ghé" ra âm "Moẽ"- (Moẽ là bé gái), ở đâu có người Triều -Châu và tiếng Mân Việt thì có người gọi con gái là "Moẽ", ở đâu có người Việt là ở đó có người gọi con gái là "Bé" *** ghi chú : tiếng Mân Việt là Phước Kiến và Triều Châu giữ được rất nhiều Việt Cổ Ngữ, khi phục chế ngôn ngữ Sở hay đối chiếu để rõ nghĩa thì các học giả bên Trung Quốc hay so sánh với Mân Ngữ mà tìm đáp số; Ngày nay chúng ta đọc là Mạc-tà, nhưng theo phân tích kỹ lưỡng của tôi thì "bạc -chsé"> tức là "Bé" là tên đúng nhất của người vợ của Can-tương >Cường.

3/CỬU KHUẨN: ...Vấn phiên âm "Cửu -khuân" > là " Quân" này đọc đáo, dù đọc theo giọng Quảng Đông / Triều Châu / Phước Kiến hay Việt Nam đều có kết quả là "Quân", Đất "Quân" (Đất Quân hay Quan , Âm thanh gần nhau là tên 1 vùng đất nơi ...được gọi là: Sở, Vậ ..không thể nào là "cửu -khuẩn " vì nó hoàn toàn vô nghĩa ...

4/TRIỀU CA: kinh đô của triều Thương / Trụ Vương là Triều Ca, phiên âm giọng Việt Quảng Đông là Chsiều -Co >Chso / chsò, chính là vùng đất "Trầu" hay "Sở", Vậ không có "Triều -Ca " chỉ có "Trà" là phiên âm của Triều Ca và phát âm rất giống âm "Trầu", ...chỉ có chso , chsò , Trầu , Sở ...bởi vậy cho nên không có ai tìm ra được kinh đô " Triều Ca " của Trụ Vương ở Đâu !!! này nay người ta cho rằng Triều-Ca ở huyện Kỳ của tỉnh Hà Nam ... và đó cũng là lý do tôi tin rằng Trụ Vương / nhà Thương là người Việt vì kinh đô Mang tên "Triều- ca" thì chính là Sở, và vua nhà Thương họ Chử, là con cháu đế Nghiêu,và có chứng cứ tài liệu là họ biết nuôi Voi thì càng đúng là "VanLangshan" tức là Văn-Lang, thần thánh "phong phú như truyện "phong Thần" là

săn phẩm của văn minh nông nghiệp lúa nước đã định cư thì mới có được truyện như vậy v v... Và người Việt Nam không xa lạ với họ Chử ...qua truyện "Chử Đồng Tử"; Triều-Ca là 楚 sở.

5/ THƯƠNG NGÔ: đọc theo phiên âm Quảng Đông là "CHSén-nguà" > CHsùà =楚 sở.

6/ CỬ ÂU: đọc theo phiên âm Quảng Đông "Chsìa-Ngâu" > Chsàu =楚 sở.

7/CỘNG NHÂN: Cộng -nhân> Cân; Cong-nan> Can, Cúng -dành> Cánh; Can, cân, cánh, đều là giọng Việt, mân, Quảng Đông để gọi đất "cống" (đất "Quang") là Vùng Sở.

8/ QỦI PHƯƠNG: Quĩ -Hoang > Quang là giọng Mân Việt, Đất "Quang" là 1 tên khác của Đất sở, Có thể giọng "Quang" là Chính Thức vì rất phù hợp với tiếng Việt; và cũng chính là "Quang" là chủ ngữ đã sinh ra quá nhiều tên gọi theo sau: Cân / Can / Cánh, Cung, Cúng và Trở thành Cống ngày nay.

19/ CỔ MUỘ: giọng phổ thông Cuà -Mi >ky hay "Kỳ".

10/ 昌意 Xương-Ý: giọng Việt Phiên-Ngung còn đọc là Chsen-ìa > tức là phiên âm của Chsìa 其, "Chsìa" hay "Khỳ" hay "Kỳ" ? ..."khỳ" hay "Kỳ" là tùy giọng nói của từng địa phương.

11/陸終 Lộc tục hay Lộc tung đều có phiên âm là >Lùn (tiếng Quảng Đông "Lùn" là Rồng), Long.

...Qua Những khảo cứu và đối chiếu phía trên đã đủ cho ta thấy "Bí Mật" sẽ được dần dần sáng tỏ. Sở là Việt như Tư Mã Thiên đã Viết trong Sử Ký là "Sở Việt đồng tông đồng tộc", và cũng thấy được nhà "thương" -"trụ Vương" cũng là Sở ngày trước, và còn biết được "Can-Tương" và "mạc -Tà" tên thật là gì v v...; và người Sở là Hạng Vũ và Lưu Bang lật đổ nhà Tần rồi lập nên nhà Hán chính là người Sở và nói tiếng Sở và đó chính là "Sở" "văn -Lang" với "Cữu-Lê / Kỳ" và ngôn ngữ chính là Việt Ngữ; Sách "Thuyết Văn" thời Hán là đọc theo Việt Ngữ lại là 1

minh chứng thêm...; Sở Là Việt, là Văn Lang, người Việt làm sao quên được Văn-Lang? Hoa Sử viết rằng Triều Shan (Nhà Thương) quá nhiều lần dời thủ đô, mà không nghiên Cứu hoặc chối bỏ là Shan từ đâu đến! Văn-Lang đã bắc tiến từ nam ...Đâu để gì có 1 ngọn núi là "Lạng Sơn" mà lại trở thành tên của 1 tỉnh? Lạng Sơn hay Lạng-San, hay Lang-Shan, chính là tên của nước "Vănlangshan" còn sót lại khi những vùng đất kia của nước Văn-Lang đã bị đổi tên thành các vương triều và quốc gia khác nhau theo dòng lịch sử...

Vì có những ngộ nhận hay gian trá và hàng hàng lớp lớp bụi mờ phủ lên bề dày lịch sử Bách Việt...cho nên bài khảo cứu này được suy xét rất thận trọng. Để làm sáng tỏ...

Sở là Việt, là Văn-Lang trải dài từ phương nam lên Động Đình Hồ với nhiều đời vua với phong hiệu là Hùng Vương.

* Ghi chú: Can-Tương và Mạc -Tà là tên kiếm và cũng là tên của Vợ chồng nổi danh đúc kiếm.

-Bài này có tham khảo các website dưới đây.

1. [楚國](#)
1. [贛語的歷史](#)
1. [贛語中的古百越語詞一覽](#)
1. [贛語中的古吳語詞一覽](#)